

Phần 22. BỆNH HUYẾT MẠCH

532. **Cao huyết áp:** *Túc tam lý, Hợp cốt, Khúc trì.*
533. **Cao huyết áp:** *Túc tam lý, Khúc trì, Nhân nghinh.*
534. **Cao huyết áp:** *Phong trì, Khúc trì, Túc tam lý, Thái xung.*
535. **Cao huyết áp:** *Phong trì, Khúc trì, Túc tam lý.*
536. **Cao huyết áp:** *Hành gian, Túc tam lý, Nội quan.*
537. **Nâng huyết áp, kích thích khỏe tim, trị trúng độc bất tỉnh:** *Dũng tuyền, Túc tam lý.*
538. **Huyết áp thấp:** *Nội quan, Tổ liêu.*
539. **Huyết áp thấp:** *Nhân nghinh, Nhân trung, Thái xung, Nội quan, Tổ liêu.*
540. **Lạc huyết:** *Khích môn, Khúc trì, Tam dương lạc.*
541. **Lạc huyết:** *Ngũ tể, Cự cốt, Xích trạch.*
542. **Lạc huyết:** *Cự cốt, Khổng tủy, Xích trạch.*
543. **Xuất huyết dưới da do nguyên phát tính tiểu cầu giảm:** *Khúc trì, Đại chùy, Thái xung, Túc tam lý, Hợp cốt.*
544. **Thở huyết, chảy máu cam, chảy máu chân răng:** *Tỳ du, Can du, Thượng quản.*
545. **Huyết hư miệng khát:** *Khúc trạch, Thiếu thương.*
546. **Viêm tắc động mạch:** *Tâm du, Cách du, Huyết hải, thủy châm Tam âm giao.*
547. **Viêm tắc mạch máu:** *Trung quản, Nội quan, Túc tam lý, Tam âm giao.*
548. **Thiếu máu:** *Cách du, Đại chùy, Vị du, Huyết hải, Túc tam lý.*
549. **Thiếu máu do thiếu chất sắt trong máu:** *Đại chùy, Cách du, Khúc trì, Túc tam lý.*
550. **Bệnh máu trắng cấp tính (tăng bạch cầu dữ dội):** *Can du, Thận du, Huyền chung.*
551. **Bạch cầu giảm:** *Tỳ du, Đại chùy, Túc tam lý, Tam âm giao (cứu).*
552. **Bạch cầu giảm:** *Tỳ du, Đại chùy, Khúc trì, Túc tam lý, Tam âm giao (cứu).*
553. **Làm tăng tiểu cầu, chống các loại xuất huyết:** *Cứu Ấn bạch, Đại đôn.*